

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/DS-PT

Ngày: 11-3-2024

“V/v Tranh chấp hủy giấy từ chối
nhận di sản, hủy hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, về “tranh chấp hủy giấy từ chối nhận di sản, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Mai Ngọc S, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số B ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai Ngọc S: Luật sư Nguyễn Văn B – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Mai Phát Q, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Phát Q: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Số D đường N, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Yên N1, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường T, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Mai Ngọc C, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Mai Tuyết H, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

4. Bà Mai Ngọc S1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

5. Bà Mai Thị X, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người giám hộ của bà Mai Thị X: Bà Mai Tuyết H, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị Bé S2, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

7. Bà Mai Huỳnh Ngọc C1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số C T, Phường I, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Mai Tấn D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số B Lô H, KDC A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

9. Ông Mai Tấn Đ, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số A Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1, ông D, ông Đ: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Số D đường N, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Hà Thị Q1, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số B ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

11. Văn phòng C2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Long An

12. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

13. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, huyện T, tỉnh Long An.

14. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L.

Địa chỉ: Số A Quốc lộ A, Phường D, Thành phố T, Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Giám đốc Sở.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L - Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mai Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2019, các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Mai Ngọc S trình bày:

Cha ông tên Mai Văn N2 (chết năm 2002 không để lại di chúc) và mẹ tên Phạm Thị N3 (chết năm 2019). Ông N2, bà N3 có 08 người con gồm: Ông Mai Yến N1, ông Mai Ngọc C, bà Mai Tuyết H, bà Mai Ngọc S1, bà Mai Thị X, ông Mai Phát Q, ông Mai Ngọc S, ông Mai Công L1 (chết còn nhỏ, không vợ con). Bà N3, ông N2 không còn cha mẹ ruột, không có con nuôi, con riêng.

Di sản của ông N2 để lại gồm: Thửa đất số 1028 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.197m²; thửa đất số 968 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.948m², đo đạc thực tế 5.818,8m²; thửa đất số 1031 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.008m², diện tích thực tế 1.008m²; thửa đất số 1097 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.107m², đo đạc thực tế 1.217,2m²; thửa đất số 1032 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 902m². Thửa đất số 1032, thửa đất số 1031 cùng tờ bản đồ số 01, loại đất ONT, hiện trạng trên đất có một căn nhà cấp 4 mái lợp tole fibro xi măng, bê tông cốt thép do ông Q và bà S2 đang quản lý sử dụng tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Năm 2004, ông Mai Phát Q giả mạo chữ ký của ông trong văn bản từ chối nhận di sản ngày 10/8/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn T để làm thủ tục chuyển quyền toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị N3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Mai Thị X bị bệnh tâm thần vẫn có chữ ký trong văn bản từ chối nhận di sản là không đúng về thủ tục hành chính. Năm

2008, bà N3 đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ diện đất gồm các thửa đất số 1032, 968, 1097, 1031 cho ông Mai Phát Q.

Ông Mai Ngọc S khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

1. Hủy giấy từ chối nhận di sản do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 46, quyền số I TP/CC-SCT/DCTC, ngày 10/8/2004; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 với ông Mai Phát Q do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 28, quyền số 3 TP/CC-SCT/DCTC, ngày 03/06/2008; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907601, AM907602, AM907603 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 17/6/2008 cho ông Mai Phát Q; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q với bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ do Văn phòng C2, tỉnh Long An chứng nhận số 2335, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21/10/2019; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT440960, CT440962 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 08/11/2019 cho bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ.

2. Công nhận và chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa đất số 968, 1031, 1032, 1097 cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Đồng thời, ông yêu cầu phân chia thừa kế và xin được nhận 2.000m² đất thuộc thửa đất số 968. Ông không yêu cầu đo đạc thửa đất số 1032.

Ông xác định không ký tên và không lãn tay trong văn bản từ chối nhận di sản. Ông có yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định. Ông đã nhận được kết luận giám định, ông không đồng ý kết luận về chữ viết nhưng không yêu cầu giám định lại. Bà Mai Thị X bị bệnh tâm thần từ khoảng năm 1982 nhưng trong văn bản từ chối nhận di sản lại có chữ ký của bà X là không đúng quy định nên văn bản không có giá trị. Từ khi phát bệnh thì bà Phạm Thị N3, bà Mai Tuyết H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc bà X.

Bị đơn ông Mai Phát Q do ông Trần Xuân N là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm như sau:

Ông Q không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Việc bà N3 cho đất ông Q là đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Cụ thể cha ông Q là ông Mai Văn N2 chết 2002, mẹ là bà Phạm Thị N3 chết năm 2019. Tài sản của ông N2 để lại gồm các thửa đất số 1028, 968, 1031, 1097, 1032. Thửa đất số 1032, thửa đất số 1031 cùng tờ bản đồ số 01, loại đất ONT, hiện trạng trên đất có một căn nhà cấp 4 mái lợp tole fibro xi măng, bê tông cốt thép do ông Q và bà S2 đang quản lý sử dụng tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Thửa đất số 968, ông Q có cho ông Nguyễn Văn P thuê trồng mít, vì đất trang chấp nên ông không cho ông P thuê nữa, ông Q yêu cầu Tòa án không đưa ông P vào tham gia tố tụng.

Khi cha còn sống thì cha mẹ đã phân chia tài sản cho các con đầy đủ, ai cũng có nhà cửa riêng tư nên khi ông N2 chết thì toàn bộ tài sản do mẹ Phạm Thị

N3 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà N3 cùng với các con đã thống nhất để lại toàn bộ tài sản cho bà Phạm Thị N3. Ngày 10/8/2024, tất cả anh em trong gia đình cùng đến Ủy ban nhân dân thị trấn T ký vào văn bản từ chối nhận di sản. Nội dung trong văn bản tất cả anh chị em trong gia đình đều đọc cùng thống nhất ký tên. Tại thời điểm đó bà Mai Thị X không bị bệnh tâm thần, vẫn tự lo cho bản thân và cùng sống chung với bà N3, bà H. Ông S đã trực tiếp ký tên và lấn tay vào văn bản từ chối nhận di sản tại Ủy ban nhân dân thị trấn T nên yêu cầu khởi kiện của ông S là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Ngọc C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm như sau:

Ông là con trai ruột thứ 4 của bà N3 với ông N2. Cha mẹ ông có các người con như ông S, ông Q trình bày. Ông N2, bà N3 không còn cha mẹ, không có con riêng, con nuôi.

Về tài sản: Lúc cha mẹ còn sống đã phân chia đất cho các con. Cụ thể chia cho Mai Yên N1 một căn nhà tại chợ T2; chia cho Mai Ngọc S 20.000m² đất lúa tại xã M, huyện T, tỉnh Long An. Cha mẹ ông được ông bà cho diện tích đất gồm các thửa đất số 1031, 1032, 968, 1097 tại khu phố A, thị trấn T. Ông xác định toàn bộ tài sản này là tài sản chung của cha mẹ. Ông N2 chết năm 2002 không để lại di chúc. Toàn bộ tài sản đều do mẹ là bà Phạm Thị N3 quản lý, sử dụng. Anh em cùng bàn bạc thống nhất để lại toàn bộ tài sản cho bà N3. Sau khi thống nhất, ngày 10/8/2004 tất cả anh em trong gia đình đến Ủy ban nhân dân thị trấn T làm thủ tục và cùng ký tên vào văn bản từ chối nhận di sản để cho bà N3 đứng tên. Ông xác định từng người đã trực tiếp ký tên vào văn bản từ chối nhận di sản. Bà Phạm Thị N3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng. Ông không có ý kiến gì về việc bà N3 cho đất người con nào trong số anh em. Ông Q được bà N3 cho toàn bộ diện tích đất để cúng giỗ ông bà. Ông không yêu cầu chia thừa kế. Em gái ông là Mai Thị X có bệnh hay quên chứ không hoàn toàn bị bệnh tâm thần, vẫn tự chăm sóc cho bản thân được. Lúc anh chị em đến Ủy ban nhân dân thị trấn T thì có X cùng đi và ký tên. Từ khi bà N3 chết năm 2019 thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho bà X nên anh em trong gia đình đều mặc nhiên bà H là người giám hộ đương nhiên cho bà X.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Tuyết H trình bày:

Bà là con ruột thứ 5 của ông N2 và bà N3. Khi ông N2 chết thì tất cả anh em bà cùng đến Ủy ban nhân dân thị trấn T ký tên vào văn bản từ chối nhận di sản, đồng ý để bà N3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Bà khẳng định ông Mai Ngọc S đã ký tên vào văn bản có sự chứng kiến của Ủy ban và các anh em. Còn người em gái Mai Thị X bị bệnh khi nhớ khi quên nhưng vẫn chăm lo cho bản thân được. Bà X sống với bà N3, lúc bà N3 già yếu thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng bà X nên trực tiếp giám hộ cho bà X. Việc bà N3 cho đất ông Q là đúng quy định pháp luật, bà không yêu cầu chia thừa kế vì đã ký tên từ chối.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Q1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm như sau:

Bà là vợ ông Mai Ngọc S, bà không có công sức đóng góp gì trong việc quản lý giữ gìn di sản do ông N2 để lại. Bà xác định ông Mai Ngọc S không đến Ủy ban nhân dân thị trấn T ký tên và lăn tay vào văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 10/8/2004.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé S2 trình bày tại bản trình bày ý kiến đề ngày 28/6/2021:

Bà là vợ của ông Mai Phát Q. Các thửa đất số 968, 1097, 1031, 1032 và toàn bộ căn nhà mà bà đang ở chung với ông Q là tài sản riêng của ông Q. Bà không liên quan gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Ngọc S1 trình bày tại bản tường trình đề ngày 22/4/2022 như sau:

Cha mẹ bà là ông Mai Văn N2, bà Phạm Thị N3 các người con như lời trình bày của ông Mai Ngọc S. Lúc còn sống cha mẹ đã cho anh N1 một căn nhà ở chợ T2. Cho Mai Ngọc S hơn 20.000m² ruộng tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Yén N1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020 như sau:

Ông không yêu cầu chia thừa kế cũng không yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay trong giấy từ chối nhận di sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Lê Thị T1 do bà Lê Thị T1 đại diện trình bày tại cấp sơ thẩm như sau:

Ngày 03/11/2021, Văn phòng C2 có chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 2335 quyền số 01 TP/CC/HĐGD ngày 21/10/2019 giữa bên tặng cho là ông Mai Phát Q với bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ. Tại thời điểm công chứng hợp đồng tặng cho nêu trên, ông Q là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 1097, 968, tờ bản đồ 01, diện tích 7.055m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907602, AM 907600 vào sổ ngày 17/6/2008. Hợp đồng tặng cho nêu trên do các bên tự nguyện lập không bị đe dọa, lừa dối, ép buộc, các bên đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu đề công chứng hợp đồng này. Văn phòng C2 hợp đồng tặng cho là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Ủy ban nhân thị trấn T có văn bản trình bày như sau: Ủy ban nhân thị trấn T yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Ủy ban nhân huyện T có văn bản trình bày như sau: Ủy ban nhân huyện T yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có ý kiến trình bày: Sở T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc S về việc: Hủy giấy từ chối nhận di sản do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 46 quyền số I TP/CC-SCT/DCTC ngày 10/08/2004; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 với ông Mai Phát Q do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 28 quyền số 3 TP/CC-SCT/DCTC ngày 03/06/2008; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907601, AM907602, AM907603 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 17/06/2008 cho ông Mai Phát Q; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q với bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ do Văn phòng C2, tỉnh Long An chứng nhận số 2335 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2019; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT440960, CT440962 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 08/11/2019 cho bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ; công nhận và chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa đất số 968, 1031, 1032, 1097 cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về lệ phí tố tụng: Ông Mai Ngọc S phải chịu 45.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá. (đã nộp xong)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Ngọc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/10/2023, nguyên đơn ông Mai Ngọc S kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Mai Ngọc S và Luật sư Nguyễn Văn B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai Ngọc S trình bày nội dung kháng cáo và tranh luận: Ông S xác định không ký tên vào giấy từ chối nhận di sản ngày 10/8/2004. Tại thời điểm này, bà Mai Thị X bị bệnh tâm thần nhưng lại có chữ ký trong văn bản từ chối nhận di sản là không đúng trình tự thủ tục hành chính. Thời điểm bà N3 ký hợp đồng tặng cho tài sản cho ông Q thì bà N3 đã lớn tuổi nhưng không có kết luận giám định y khoa về năng lực hành vi của bà N3 là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo ông S.

Bị đơn do ông Trần Xuân N đại diện theo uỷ quyền trình bày: Việc ông S ký tên và lấn tay vào văn bản từ chối nhận di sản thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Thời điểm này bà X vẫn nhận thức được hành vi do mình thực hiện, có thể tự chăm sóc cho bản thân, chính bà X và các anh chị em đã tự nguyện ký tên vào văn bản để lại toàn bộ các thửa đất cho mẹ là bà N3, sau đó bà N3 tự nguyện tặng cho ông Q, ông Q tiếp tục tách một phần đất cho các con và tất cả đều đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tất các giao dịch này được diễn ra hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Q1 trình bày: Bà là vợ của ông S, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L do ông Nguyễn Văn L đại diện theo uỷ quyền trình bày: Sở T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là căn cứ vào giao dịch dân sự giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, việc cấp giấy đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Các đương sự thống nhất các thửa đất số 1028, 968, 1031, 1032, 1097, tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của bà N3 và ông N2. Ngày 27/10/2002, ông N2 chết không để lại di chúc. Ngày 10/8/2004, tất cả các con của ông N2, bà N3 đã lập văn bản từ chối nhận di sản, văn bản được Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận. Ông S không thừa nhận chữ ký và dấu vân tay của ông trong văn bản nhưng theo kết luận giám định thì chữ ký và dấu vân tay là của ông S. Ông S cho rằng lúc ngũ anh em đã cầm tay ông lấn vân tay vào giấy từ chối nhận di sản nhưng ông S không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Ông S cho rằng tại thời điểm năm 2004, bà X bị bệnh tâm thần nên việc giấy từ chối nhận di sản có chữ ký và dấu lấn tay của bà X là không đúng trình tự thủ tục hành chính. Tuy nhiên, tại thời điểm này không có văn bản của cơ quan

có thẩm quyền nào xác định bà X bị tâm thần, trong khi các anh chị em ruột của bà X cho rằng bà X vẫn tự chăm sóc cho bản thân được, làm chủ được hành vi của mình.

Việc bà N3 lập thủ tục tặng cho các thửa đất 968, 1031, 1032 và 1097, cùng tờ bản đồ số 01 cho ông Q, ông Q cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Tại thời điểm chứng thực, các bên giao kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng tặng cho không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N3 và ông Q và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Q.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 1097, 968, tờ bản đồ 01 giữa ông Q và bà C1, ông D, ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng được công chứng theo đúng trình tự, thủ tục. Do đó, ông S yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Q và bà C1, ông D, ông Đ và hủy giấy chứng nhận được cấp cho bà C1, ông D, ông Đ là không có căn cứ.

Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, cũng không chứng minh được Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vụ án này, nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm không khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Ngọc S, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Ngọc S được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông Mai Ngọc S, ông Trần Xuân N, bà Hà Thị Q1, bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ, luật sư Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt lưu hồ sơ vụ án.

Theo quyết định số 01/2023/QĐST-VDS ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã tuyên bố bà Mai Thị X mất năng lực hành vi dân sự. Người giám hộ là bà Mai Tuyết H là người trực tiếp nuôi dưỡng theo trích lục đăng ký giám hộ số 02/TLGH ngày 24/8/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn T.

Căn cứ quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Mai Ngọc S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa đất số 968, 1031, 1032, 1097 cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, đồng thời tuyên bố vô hiệu các giao dịch thoả thuận phân chia di sản thừa kế, tặng cho và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến các thửa đất nêu trên. Cụ thể: Yêu cầu huỷ văn bản từ chối nhận di sản do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 46 quyền số I TP/CC-SCT/DCTC ngày 10/08/2004; huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 với ông Mai Phát Q do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 28 quyền số 3 TP/CC-SCT/DCTC ngày 03/06/2008; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907601, AM907602, AM907603 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Mai Phát Q ngày 17/06/2008; huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q với bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ do Văn phòng C2, tỉnh Long An chứng nhận số 2335 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2019; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT440960, CT440962 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ ngày 08/11/2019; công nhận và chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa đất số 968, 1031, 1032, 1097, cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ông S yêu cầu được hưởng 2.000m² trong thửa đất số 968.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Ngọc S, thấy rằng:

[4.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất ông Mai Văn N2 (sinh năm 1923 chết năm 200)2 và bà Phạm Thị N3 (sinh năm 1925 chết năm 2019) có 08 người con chung gồm: Ông Mai Yên N1, ông Mai Ngọc C, bà Mai Tuyết H, bà Mai Ngọc S1, bà Mai Thị X, ông Mai Phát Q, ông Mai Ngọc S, ông Mai Công L1 (chết còn nhỏ, không vợ con). Bà N3, ông N2 không có con nuôi, con riêng, cha mẹ của bà N3 và ông N2 đều đã chết.

[4.2] Về quyền sử dụng đất và vị trí đất tranh chấp:

Các đương sự đều trình bày và thừa nhận các thửa đất số 1028 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.197m²; thửa đất số 968 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 5.948m², đo đạc thực tế 5.818,8m²; thửa đất

số 1031 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.008m², diện tích thực tế 1.008m²; thửa đất số 1097 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.107m², đo đạc thực tế 1.217,2m²; thửa đất số 1032 diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 902m². Thửa đất số 1032, thửa đất số 1031 cùng tờ bản đồ số 1, loại đất ONT, tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, hiện trạng trên đất có một căn nhà cấp 4 mái lợp tole fibro xi măng, bê tông cốt thép do ông Q và bà S2 đang quản lý sử dụng. Thửa 968, 1097, tờ bản đồ số 1, do Mai Huỳnh Ngọc C1, Mai Tấn Đ, Mai Tấn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý sử dụng, có nguồn gốc là của ông Mai Văn N2 và bà Phạm Thị N3.

Các đương sự thống nhất vị trí đất, diện tích đất, tài sản nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo địa chính ngày 30/11/2020, ngày 01/12/2020 và bản phân khu ngày 09/12/2022 của Công ty TNHH Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt và Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T3.

Các bên thống nhất không đo đạc thửa đất số 1032 mà căn cứ vào diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.3] Về quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 25/11/1996, ông Mai Văn N2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1028, 968, 1031, 1032, 1097, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 27/10/2002, ông N2 chết không để lại di chúc.

Ngày 10/8/2004, tất cả các con của ông N2, bà N3 gồm Mai Ngọc S, Mai Phát Q, Mai Ngọc C, Mai Yên N1, Mai Thị X, Mai Tuyết H, Mai Ngọc S1 lập văn bản từ chối nhận di sản, văn bản được Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận chữ ký. Ông Mai Ngọc S không thừa nhận chữ ký và dấu vân tay là của ông S.

Ngày 25/8/2004, bà Phạm Thị N3 được Ủy ban nhân dân huyện T chỉnh lý biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông N2 sang tên bà N3.

Ngày 03/06/2008, bà Phạm Thị N3 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Mai Phát Q, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 28, quyển số 3 TP/CC-SCT/DCTC.

Ngày 17/06/2008, ông Mai Phát Q được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907601, AM907602, AM907603 đối với các thửa đất số 968, 1032, 1097, 1031, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 21/10/2019, ông Mai Phát Q lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ, được Văn phòng C2, tỉnh Long An chứng thực số 2335 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 968, 1097, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 08/11/2019, bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT440960, CT440962.

[4.4] Về kết luận giám định dấu vân tay và chữ ký:

Tại kết luận giám định số 702/2020/KLGĐ ngày 17/08/2020 của Phòng K Công an tỉnh L đã kết luận về dấu vân tay như sau: Dấu vết đường vân in tại ô “Mai Ngọc S” trên tờ “Giấy từ chối nhận di sản” với dấu vân tay ngón trỏ trái in trên tờ “Biên bản tiến hành lấy mẫu dấu vân tay của đương sự” là do cùng một người in ra.

Tại kết luận giám định số 704/2020/KLGĐ ngày 18/08/2020 của Phòng K Công an tỉnh L đã kết luận về chữ ký như sau: Chữ ký bằng bút bic màu đen ở bên phải cột mục “5) Mai Ngọc S” trên tờ “Giấy từ chối nhận di sản” với chữ ký mang tên “Mai Ngọc S” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người làm đơn” trên tờ “Đơn xin học - Thi lấy giấy phép lái xe cơ giới đường bộ” là do cùng một người ký ra.

Như vậy, căn cứ vào các kết luận giám định nêu trên có đủ cơ sở để xác định chữ ký và vân tay trong giấy từ chối nhận di sản được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 46 quyển số I TP/CC-SCT/DCTC ngày 10/08/2004 là của ông Mai Ngọc S.

Tại thời điểm này, theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ thì người được hưởng di sản theo pháp luật có thể yêu cầu công chứng hoặc chứng thực văn bản từ chối nhận di sản, trong đó có cam kết việc từ chối nhận di sản không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác, việc công chứng hoặc chứng thực văn bản từ chối nhận di sản được thực hiện tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực giấy từ chối nhận di sản theo yêu cầu của ông Mai Yến N1, ông Mai Ngọc C, bà Mai Tuyết H, bà Mai Ngọc S1, bà Mai Thị X, ông Mai Phát Q, ông Mai Ngọc S có mặt và ký tên, lăn tay vào văn bản là đúng trình tự, thủ tục, không vi phạm điều cấm, có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 54 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ.

[4.5] Tại phiên tòa, ông Mai Ngọc S không thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay trong văn bản từ chối nhận di sản ngày 10/8/2004 là của ông nhưng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giám định lại. Ngoài ra, ông S cho rằng trong giấy từ chối nhận di sản có chữ ký và dấu lăn tay của bà Mai Thị X là không đúng trình tự, thủ tục hành chính với lý do tại thời điểm năm 2004, bà X bị bệnh tâm thần.

Căn cứ quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự thì khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức làm chủ được hành vi của mình thì theo yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tòa án ra quyết

định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận của tổ chức giám định.

Theo yêu cầu của ông S thì ngày 31/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã tuyên bố Bà Mai Thị X mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2023/QĐST-VDS.

Như vậy, tại thời điểm ký văn bản ngày 10/8/2004, thì không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền nào thể hiện bà X bị tâm thần, trong khi đó các anh chị em ruột của bà X đã xác định bà X vẫn tự chăm lo cho bản thân, vẫn làm chủ được hành vi của mình.

Tại các bản tường trình và tại phiên tòa ông S và các anh em trong gia đình đều thừa nhận năm 2004 bà X sống chung với mẹ ruột là bà Phạm Thị N3. Bà X không chồng, không con. Trường hợp bà X bị bệnh tâm thần thì bà N3 được xác định là giám hộ đương nhiên cho bà X theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Dân sự năm 1995, như vậy bà N3 vẫn là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X. Việc bà X có bệnh hay không bị bệnh không làm thay đổi bản chất của việc ông S đã từ chối nhận di sản.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc vô hiệu văn bản từ chối nhận di sản ngày 10/8/2004 là có căn cứ.

[4.6] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 và ông Mai Phát Q ngày 03/6/2008 thấy rằng:

Theo văn bản số 4232/UBND ngày 16/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời Tòa án có nội dung: Ngày 06/5/1996, ông Mai Văn N2 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 968, 1028, 1031, 1032, 1097, cùng thuộc tờ bản đồ số 01, tổng diện tích 11.162m², loại đất thổ và đất trồng cây hàng năm khác. Ngày 25/11/1996, ông N2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số I 194602.

Năm 2002, ông N2 chết thủ tục thừa kế được lập cho vợ là bà Phạm Thị N3 theo giấy từ chối nhận di sản số chứng thực số 46 quyền số 01 lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 10/8/2004 được Phòng Nông nghiệp địa chính chỉnh lý tên chủ sử dụng Phạm Thị N3 trên trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 194602 ngày 25/8/2004 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Năm 2006, bà N3 chuyển quyền sử dụng đất diện tích 2.197m², đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 1028 cho ông Mai Ngọc C. Diện tích còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.968m².

Ngày 03/6/2008, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T bà Phạm Thị N3 lập thủ tục tặng cho các thửa đất số 968, 1031, 1032 và 1097, cùng tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 8.965m², loại đất thổ và đất trồng cây hàng năm khác cho con ruột là ông Mai Phát Q theo hợp đồng tặng cho ngày 03/6/2008. Ông Q được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907603, AM907601 và AM 907602 vào ngày 17/6/2008 đối với các thửa đất nêu trên là đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Thấy rằng, nội dung hợp đồng tặng cho giữa bà N3 và ông Q thể hiện tại thời điểm công chứng các bên giao kết hợp đồng trong tình trạng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, chứng thực theo đúng trình tự thủ tục. Ông S cho rằng thời điểm này bà N3 lớn tuổi nhưng không có chứng cứ chứng minh bà N3 mất năng lực hành vi dân sự hoặc việc tặng cho ông Q là không tự nguyện. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 và ông Mai Phát Q ngày 03/6/2008 đối với các thửa đất số 968, 1031, 1032 và 1097 là có cơ sở.

[4.7] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q và bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ ngày 21/10/2019 đối với thửa đất số 1097, 968, cùng tờ bản đồ 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, thấy rằng:

Hợp đồng được Văn phòng C2 số 2335 quyền số 01/TP/CC/HĐGD ngày 21/10/2019. Văn phòng Công chứng xác định tại thời điểm công chứng ông Q là chủ sử dụng đất thửa đất số 1097, 968, cùng tờ bản đồ 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 907602, AM 907600 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 17/6/2008. Các bên lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa, lừa dối, ép buộc, các bên đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để công chứng hợp đồng này. Văn phòng Công chứng công chứng hợp đồng tặng cho nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà C1, ông D, ông Đ đều xác định việc các bên lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay đe dọa.

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q và bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ ngày 21/10/2019 và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý sang tên bà Phạm Thị N3, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Mai Phát Q, bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên thấy rằng, ông Mai Ngọc S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Ngọc S được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do ông S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông S.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Ngọc S.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc S đối với ông Mai Phát Q về việc yêu cầu:

Hủy giấy từ chối nhận di sản do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 46 quyền số I TP/CC-SCT/DCTC ngày 10/8/2004;

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị N3 với ông Mai Phát Q do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An chứng thực số 28 quyền số 3 TP/CC-SCT/DCTC ngày 03/6/2008;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM907600, AM907601, AM907602, AM907603 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 17/6/2008 cho ông Mai Phát Q;

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Phát Q với bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ do Văn phòng C2, tỉnh Long An chứng nhận số 2335 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2019;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT440960, CT440962 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 08/11/2019 cho bà Mai Huỳnh Ngọc C1, ông Mai Tấn D, ông Mai Tấn Đ;

Công nhận và chia di sản thừa kế đối với phần đất thuộc thửa đất số 968, 1031, 1032, 1097 cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về lệ phí tố tụng: Ông Mai Ngọc S phải chịu 45.500.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá. Ông S đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Ngọc S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân